

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 120/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 26 - 5 - 2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Mỹ Hương

Bà Lê Thị Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 201/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm: 1988 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Lô 15Đ khóm Phó Quế, phường M L, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;

- Bị đơn: Anh Lê Tấn L, sinh năm: 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 112, khóm Đông Thịnh 7, phường M Ph, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nở và anh Lộc do quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2004, đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị Nở và anh Lộc sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, chị Nở thường xuyên bị anh Lộc bạo hành, chính quyền địa phương đã hòa giải rất nhiều lần nhưng anh Lộc không thay đổi. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được nên chị Nở yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Lộc.

Về con chung: có 02 con chung, tên Lê Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 11/9/2005 và Lê Phước Thọ, sinh ngày 09/10/2014. Sau khi ly hôn, chị Nở yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Lộc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Tấn L không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải, cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị N với anh Lê Tấn L; Về con chung: hiện 02 cháu Lê Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 11/9/2005 và Lê Phước Thọ, sinh ngày 09/10/2014 đang sống cùng chị Nở. Do đó, để ổn định nên sau khi ly hôn giao 02 con chung cho chị Nở tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh Lê Tấn L được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nở yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Lộc là vợ chồng, anh Lộc hiện cư trú tại khóm Đông Thịnh 7, phường M Ph, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý

giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Tấn L mặc dù được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh Lộc vẫn không tham dự phiên tòa nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị Nở và anh Lộc đã tự nguyện tiến đến hôn nhân và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc đăng ký kết hôn và giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/06/2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp tuyên bố không công nhận chị Lê Thị N và anh Lê Tấn L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nở và anh Lộc có 02 con chung tên Lê Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 11/9/2005 và Lê Phước Thọ, sinh ngày 09/10/2014. Hiện 02 cháu đang sống cùng chị Nở. Sau khi ly hôn, chị Nở yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Ngọc và Thọ chưa thành niên, đang được chị Nở chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp, cuộc sống của các cháu đã ổn định. Mặt khác, tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung cháu Thọ có nguyện vọng được sống cùng với chị Nở. Anh Lộc không có ý kiến trình bày. Do đó, nhằm ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Lê Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 11/9/2005 và Lê Phước Thọ, sinh ngày 09/10/2014 cho chị Nở tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là chính đáng và có cơ sở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Lộc không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản anh Lộc thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Về cấp dưỡng, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, chị Nở là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Lộc cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nữ trình bày không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Lộc vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nữ phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nữ và anh Lộc được quyền kháng cáo trong theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/06/2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị N và anh Lê Tấn L.

[2] Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Thị Thanh Ngọc, sinh ngày 11/9/2005 và Lê Phước Thọ, sinh ngày 09/10/2014 cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Lê Tấn L không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản anh Lộc thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002001 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 10/3/2021. Chị Nở đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị N và anh Lê Tấn L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung